

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: **06/2022/HSST**

Ngày: 13/01/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU- TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Hùng.
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Cao Đức Giang
Bà Nguyễn Thị Liên
- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 283/2021/HSST, ngày 21 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 24/7/1983 tại xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Lê Văn B (chết); Họ và tên mẹ: Phan Thị D (Sinh năm 1957); Anh chị em ruột: có 04 người; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Họ và tên vợ: Ngô Thị H (sinh năm 1985); Con: có 03 con, Con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Chị Ngô Thị T, sinh năm 1977

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 1997, chị Ngô Thị T kết hôn với anh Đàm Văn S. Năm 2004, anh Đàm Văn S đi xuất khẩu lao động tại Malaixia, chị Ngô Thị T có quen biết, nảy sinh tình cảm với Lê Văn N. Hai người thường xuyên lén lút, che giấu gia đình và mọi người để lén lút gặp gỡ nhau. Đến khoảng tháng 9/2021, do lo sợ gia đình và mọi người biết ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của mình nên chị T yêu cầu Lê Văn N không được liên lạc, gặp gỡ, dừng mọi quan hệ với mình. Ngày 23/9/2021, Lê Văn N sử dụng số điện thoại 0384965502 được lắp trong máy điện thoại nhãn hiệu Realme C15, kiểu máy RMX2194, IMEI 963373051414396 liên tục gọi đến số điện thoại 0332921115 của chị T để đe dọa yêu cầu chị T phải tiếp tục mối quan hệ với mình nhưng chị T không đồng ý. Lúc này Lê Văn N yêu cầu chị T phải đưa số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) thì N mới đồng ý chấm dứt quan hệ tình cảm với chị T, nếu chị T không đáp ứng số tiền trên thì Nho đe dọa sẽ công khai, làm lộ đời tư cá nhân, mối quan hệ tình cảm bất chính của chị T cho mọi người biết. Khi Lê Văn N yêu cầu đưa số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) thì chị T không đồng ý. Thấy vậy, Lê Văn N liên tục gọi điện thoại đe dọa, uy hiếp chị T. Do lo sợ bị Lê Văn N công khai, làm lộ thông tin mối quan hệ tình cảm đời tư cá nhân bất chính của mình nên vào khoảng 18 giờ 20 phút ngày 23/9/2021, chị T gặp Lê Văn N tại ngã tư Trạm y tế xã N thuộc xóm T, xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An để đưa trước cho Lê Văn N số tiền 18.200.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi nhận số tiền trên, Lê Văn N vẫn tiếp tục gọi điện thoại và trực tiếp đi đến nhà chị T để uy hiếp đe dọa phải đưa đủ số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo yêu cầu ban đầu thì mới đồng ý chấm dứt và tiếp tục đe dọa chị T. Do hoảng sợ nên chị T đã trình báo sự việc lên Công an xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An. Lê Văn N biết chị T đã trình báo Công an xã N nên đã đến gặp chị T để trả lại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), còn lại số tiền 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng) hứa sẽ trả sau và được chị T đồng ý.

Đến ngày 29/9/2021, Lê Văn N đến Công an huyện D đầu thú về hành phi phạm tội của mình.

Cùng ngày 29/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn N tại xóm T, xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An: kết quả thu giữ số tiền 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) mà Lê Văn N đã chiếm đoạt của chị T.

*** Về việc thu giữ và xử lý vật chứng:**

- Số tiền Việt Nam đồng: 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) thu giữ khi khám xét.

- Số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) do bà Phan Thị D (mẹ của Lê Văn N) giao nộp.

Số tiền vật chứng trên hiện đang được trả lại cho chủ sở hữu chị Ngô Thị T theo quy định.

- 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, kiểu máy RMX2194, IMEI 963373051414396 bên trong chứa sim số thuê bao 0384965502.

Hiện vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An.

Cáo trạng số 15/CT-VKSDC, ngày 17/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2, Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2, Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N mức án 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về vật chứng: Số tiền Việt Nam đồng: 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) thu giữ khi khám xét và số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) do bà Phan Thị D (mẹ của Lê văn N) giao nộp đã được trả lại cho chủ sở hữu chị Ngô Thị T theo quy định nên không xem xét.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, kiểu máy RMX2194, IMEI 963373051414396 bên trong chứa sim số thuê bao 0384965502, máy đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Ngô Thị T đã nhận bồi thường thiệt hại đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có tại hồ sơ vụ án: Vào ngày 23/9/2021, tại khu vực xóm T, xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An; Lê Văn N có hành vi gọi điện, đến nhà đe dọa dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần chị Ngô Thị T để chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Ngày 23/9/2021, chị T đưa trước số tiền 18.200.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng) theo yêu cầu của Lê Văn N. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Văn N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Xét vụ án thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác; xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước, làm ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng cho người dân. HĐXX xét thấy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về việc đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến Công an huyện D đầu thú về hành vi phạm tội của mình cũng chứng minh sự ăn năn hối cải của bị cáo. Bị cáo đã đe dọa chị Ngô Thị T nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tuy nhiên bị cáo mới nhận được số tiền 18.200.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng) từ bị hại; sau khi đầu thú, bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho chị T. Bị hại chị Ngô Thị T cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Lê Văn N. Bị cáo có bố đẻ là ông Lê Văn B có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang. Như vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, xét cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, thu nhập không ổn định. Hội đồng xét xử xét miễn áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Ngô Thị T đã nhận bồi thường thiệt hại đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền Việt Nam đồng: 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) thu giữ khi khám xét và số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) do bà Phan Thị D (mẹ của Lê Văn N) giao nộp đã được trả lại cho chủ sở hữu chị Ngô Thị Tuyết theo quy định nên không xem xét.

- Căn cứ điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, kiểu máy RMX2194, IMEI 963373051414396 bên trong chứa sim số thuê bao 0384965502 vì đây là công cụ phạm tội của bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2, Điều 170, điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn N cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 Luật Thi hành án hình sự có hiệu lực ngày 01/01/2020.

- *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, kiểu máy RMX2194, IMEI 963373051414396 bên trong chứa sim số thuê bao 0384965502. Hiện vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo phiếu nhập kho số NK 047, ngày 24/12/2021.

- *Về án phí:* Căn cứ vào điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Buộc

bị cáo Lê Văn N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người TGT;
- VKS huyện D;
- VKS tỉnh Nghệ An
- TAND tỉnh Nghệ An ;
- Công an huyện (NVCS);
- Chi cục THA dân sự h.D;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ + lưu trữ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Xuân Hùng

